| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MCB**<br>**TỈNH BẾN TRE** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do –Hạnh phúc** |
| Số: 11/2024/QĐST-HNGĐ | *MCB, ngày 27 tháng 02 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 01/2024/TLST – HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2024, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thúy V, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp KG, xã PM, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Phạm Văn L, sinh năm 1975;

Địa chỉ: ấp KG, xã PM, huyện MCB, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2024,

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 02 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn (07) bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thúy V và ông Phạm Văn L.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Bà Trần Thúy V và ông Phạm Văn L có 03 con chung là Trần Thị Kiều T, sinh ngày 29/12/2003, Phạm Thị Kiều H, sinh ngày 01/8/2012 và Phạm Văn V, sinh ngày 21/9/2014. Cháu Trần Thị Kiều T mang họ mẹ do thời điểm khai sinh ông L và bà V chưa đăng ký kết hôn, ông L thống nhất cháu Trần Thị Kiều T là con chung của ông L và bà V. Cháu T đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Sau khi ly hôn, bà V trực tiếp nuôi cháu Phạm Thị Kiều H và Phạm Văn V. Ghi nhận bà Trần Thúy V không yêu cầu ông Phạm Văn L cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân

sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Trần Thúy V và ông Phạm Văn L trình bày không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Bà Trần Thúy V và ông Phạm Văn L trình bày không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thúy V tự nguyện chịu toàn bộ là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003009 ngày 03/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MCB. Chi cục Thi hành án dân sự huyện MCB hoàn lại cho bà Vân tiền tạm ứng án phí là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện MCB;
- Chi cục THADS huyện MCB;
- UBND xã PM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**THẨM PHÁN**
*(Đã ký)*

**Nguyễn Thị Đoan Trang**